

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM Y TẾ
QUẬN SƠN TRÀ
Số: /TM-YTST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Trà, ngày tháng 7 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ
V/v Mua hóa chất sinh hóa của máy COBAS C311
Trung tâm Y tế quận Sơn Trà tháng 7/2023

Kính gửi: Quý công ty

Hiện nay, Trung tâm Y tế quận Sơn Trà có nhu cầu mua hóa chất sinh hóa của máy COBAS C311 tháng 7/2023 cần để phục vụ chuyên môn sử dụng tại bệnh viện.

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch mua sắm, Trung tâm Y tế quận Sơn Trà kính mời các Quý công ty khảo sát và báo giá mặt hàng cụ thể như sau: Phụ lục đính kèm.

Thời gian nộp báo giá: Hạn cuối đến 17h ngày 12 tháng 07 năm 2023

Nơi nhận: Nơi nhận: Hành chính – Văn thư – Tầng 9, Trung tâm Y tế quận Sơn Trà. Địa chỉ: 1118 Ngô Quyền, An Hải Tây, Sơn Trà, Đà Nẵng.

Địa chỉ liên hệ: trungtamytesontra@danang.gov.vn

Số điện thoại: 02363.944.294

Thông tin được đăng tải tại trang Web của Trung tâm Y tế quận Sơn Trà: <https://benhviensontra.com.vn/vi/>

Hồ sơ báo giá gồm các loại giấy tờ như sau:

- Báo giá do đại diện công ty ký và đóng dấu công ty. Bảng chào giá phải được bỏ vào phong bì, niêm kín miệng bao để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc tạo giá;
- Bản photo công chứng Giấy phép kinh doanh.

Bệnh viện rất mong nhận được sự hợp tác của Quý công ty để kịp thời mua sắm hàng hóa phục vụ công tác khám chữa bệnh.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:VT, KD-TTB-VTYT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Văn Đình Hoài

PHỤ LỤC: HÀNG HÓA ĐỀ NGHỊ CHÀO GIÁ

(Đính kèm thư mời chào giá số: /TM-YTST ngày tháng 7 năm 2023 của TTYT quận Sơn Trà)

| TT | Tên hàng hoá | Hãng sản xuất (tham khảo) | Thông số kỹ thuật tương đương | ĐVT | Số lượng |
|----|---|---------------------------|---|-----|----------|
| 1 | Thuốc thử xét nghiệm Ethanol | Roche - Đức | Khoảng đo: 2.20-108 mmol/L (0.101-498 mg/dL) | Hộp | 3 |
| 2 | Bộ thuốc thử đo lường hoạt động của Alanine Transaminase (ALT) trong huyết thanh được ghi nhận trong chẩn đoán tổn thương gan | Roche - Đức | Bộ thuốc thử bao gồm: R1 Đệm TRIS: 224 mmol/L, pH 7.3 (37 °C); L-alanine: 1120 mmol/L; albumin (bò): 0.25 %; LDH (vi sinh): $\geq 45 \mu\text{kat/L}$; chất ổn định; chất bảo quản R2 2-Oxoglutarate: 94 mmol/L; NADH: $\geq 1.7 \text{ mmol/L}$; chất phụ gia; chất bảo quản R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C | Hộp | 3 |
| 3 | Bộ thuốc thử đo lường hoạt động của Aspartate Transaminase (AST) trong huyết thanh được ghi nhận trong chẩn đoán tổn thương gan | Roche - Đức | Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm R1 Đệm TRIS: 264 mmol/L, pH 7.8 (37 °C); L-aspartate: 792 mmol/L; MDH (vi sinh): $\geq 24 \mu\text{kat/L}$; LDH (vi sinh): $\geq 48 \mu\text{kat/L}$; albumin(bò): 0.25 %; chất bảo quản R2 NADH: $\geq 1.7 \text{ mmol/L}$; 2-oxoglutarate: 94 mmol/L; chất bảo quản. R1 vào vị trí A và R2 vào vị trí B và C. | Hộp | 3 |
| 4 | Hóa chất định lượng GGT | Roche - Đức | Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm R1 TRIS: 492 mmol/L, pH 8.25; glycylglycine: 492 mmol/L; chất bảo quản; chất phụ gia R2 L- γ -glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 22.5 mmol/L; acetate: 10 mmol/L, pH 4.5; chất ổn định; chất bảo quản R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C | Hộp | 3 |

| | | | | | |
|---|---|-------------|--|-----|---|
| 5 | Hóa chất định lượng Glucose | Roche - Đức | Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm R1 Đệm MES: 5.0 mmol/L, pH 6.0; Mg ²⁺ : 24 mmol/L; ATP: ≥ 4.5 mmol/L; NADP: ≥ 7.0 mmol/L; chất bảo quản R2 Đệm HEPES: 200 mmol/L, pH 8.0; Mg ²⁺ : 4 mmol/L; HK (nấm men): ≥ 300 μkat/L; G-6-PDH (E. coli): ≥ 300 μkat/L; chất bảo quản R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C. | Hộp | 4 |
| 6 | Dung dịch rửa cho máy phân tích sinh hóa NaOH-D | Roche - Đức | Thuốc thử chứa NaOH 1 mol/L (khoảng 4%); rửa kim hút thuốc thử và cồng phản ứng, dùng cho máy khí máu điện giải. | Hộp | 2 |
| 7 | Nước rửa buồng phản ứng ECO-D | Roche - Đức | Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm Chất tẩy Chất tẩy vào vị trí B và C | Hộp | 3 |
| 8 | Hóa chất định lượng Cholesterol | Roche - Đức | R1 Đệm PIPES: 225 mmol/L, pH 6.8; Mg ²⁺ : 10 mmol/L; natri cholate: 0.6 mmol/L; 4-aminophenazone: ≥ 0.45 mmol/L; phenol: ≥ 12.6 mmol/L; fatty alcohol polyglycol ether: 3 %; cholesterol esterase (Pseudomonas spec.): ≥ 25 μkat/L (≥ 1.5 U/mL); cholesterol oxidase (E. coli): ≥ 7.5 μkat/L (≥ 0.45 U/mL); peroxidase (củ cải): ≥ 12.5 μkat/L (≥ 0.75 U/mL); chất ổn định; chất bảo quản R1 vào vị trí B" | Hộp | 2 |
| 9 | Hóa chất định lượng Triglycerides | Roche - Đức | Bộ thuốc thử bao gồm: R1 Đệm PIPES: 50 mmol/L, pH 6.8; Mg ²⁺ : 40 mmol/L; natricholate: 0.20 mmol/L; ATP: ≥ 1.4 mmol/L; 4-aminophenazone: ≥ 0.13 mmol/L; 4-chlorophenol: 4.7 mmol/L; lipoprotein lipase (chủng Pseudomonas): ≥ 83 μkat/L; glycerol kinase (Bacillusstearothermophilus): ≥ 3 μkat/L; glycerol phosphate oxidase(E. coli): ≥ 41 μkat/L; peroxidase (củ cải): ≥ 1.6 μkat/L; chất bảo quản, chất ổn định. R1 vào vị trí B. | Hộp | 3 |

| | | | | | |
|----|---|-------------|---|--------------------|---|
| 10 | Hóa chất định lượng HDL-C | Roche - Đức | <p>Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm</p> <p>R1 Đệm TAPSO(b): 62.1 mmol/L, pH 7.77; polyanion: 1.25 g/L; EMSE: 1.08 mmol/L; ascorbate oxidase (đưa chuột): $\geq 50 \mu\text{kat/L}$; peroxidase (củ cải): $\geq 166.7 \mu\text{kat/L}$; chất tẩy; BSA: 2.0 g/L; chất bảo quản</p> <p>R2 Đệm Bis-Trisc): 20.1 mmol/L, pH 6.70; cholesterol esterase (vi sinh): $\geq 7.5 \mu\text{kat/L}$; cholesterol oxidase (E. coli tái tổ hợp): $\geq 7.17 \mu\text{kat/L}$; cholesterol oxidase (vi sinh): $\geq 76.7 \mu\text{kat/L}$;</p> <p>peroxidase (củ cải): $\geq 333 \mu\text{kat/L}$; 4-amino-antipyrine: 1.48 mmol/L; BSA: 3.0 g/L; chất tẩy; chất bảo quản</p> <p>b) 2-Hydroxy-N-tris(hydroxymethyl)methyl-3-aminopropanesulfonic acid</p> <p>c) Bis(2-hydroxyethyl)iminotris(hydroxymethyl)methane</p> <p>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.</p> | Hộp | 2 |
| 11 | Hóa chất định lượng Calci | Roche - Đức | <p>Bộ thuốc thử bao gồm:</p> <p>R1 CAPSO: a 557 mmol/L; NM-BAPTA: 2 mmol/L; pH 10.0; chất hoạt động bề mặt không phản ứng; chất bảo quản</p> <p>R2 EDTA: 7.5 mmol/L; pH 7.3; chất hoạt động bề mặt không phản ứng, chất bảo quản</p> <p>a) 3-[cyclohexylamino]-2-hydroxy-1-propanesulfonic acid</p> <p>R1 vào vị trí B và R2 vào vị trí C.</p> | Hộp | 1 |
| 12 | Hóa chất định lượng Acid Uric | Roche - Đức | <p>Bộ thuốc thử bao gồm:</p> <p>R1 Đệm phosphate: 0.05 mol/L, pH 7.8; TOOS: 7 mmol/L; fatty alcohol polyglycol ether: 4.8 %; ascorbate oxidase (EC 1.10.3.3; bí dài) $\geq 83.5 \mu\text{kat/L}$ (25 °C); chất ổn định; chất bảo quản</p> <p>R3 Đệm phosphate: 0.1 mol/L, pH 7.8; kali hexacyanoferrate (II): 0.3 mmol/L; 4-aminophenazone $\geq 3 \text{ mmol/L}$; uricase (EC 1.7.3.3; Arthrobacter protophormiae) $\geq 83.4 \mu\text{kat/L}$ (25 °C); peroxidase (POD) (EC 1.11.1.7; củ cải) $\geq 50 \mu\text{kat/L}$ (25 °C); chất ổn định; chất bảo quản</p> <p>R1 vào vị trí B và R3 vào vị trí C.</p> | Hộp | 1 |
| 13 | Dung dịch rửa cho máy phân tích sinh hóa NaOH/D | Roche - Đức | Dung dịch natri hydroxide 1 mol/L, 4%; rửa có tính kiềm cho công phản ứng, dùng cho máy khí máu điện giải. | Hộp (2 x 1.8 L) | 2 |